BECAMEX BCE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI — Trang 1

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐHĐCĐ — Trang 2-6

BÁO CÁO CỦA HĐQT — Trang 7-10

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC — Trang 11-16

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT — Trang 17-19

CÁC TỜ TRÌNH — Trang 20-27

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ — Trang 28-31

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG 2018 — Trang 32-78

DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 2018 — Trang 79-94

BECAMEX BCE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

DỰ THẢO
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Thời gian: 8 giờ 30 phút, thứ sáu, ngày 13 tháng 04 năm 2018
Địa điểm: Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương –Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP.TDM, Bình Dương

STT	Thời gian	Nội dung	Chủ trì
1.	8h30-9h00	**I. Thủ tục khai mạc**	
		Tiếp đón đăng ký cổ đông	Ban tổ chức
2.	9h00-9h10	**Khai mạc Đại Hội**	
		- Tuyên bố lý do –Giới thiệu thành phần tham dự	MC
		- Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông	Trưởng BKS
3.	9h10-9h20	**Giới thiệu & biểu quyết thông qua**	MC
		- Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018	
		- Thành phần Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu	
		- Quy chế làm việc ĐHĐCĐ	
4.	9h20-9h50	**II. Báo cáo hoạt động của HĐQT, TGĐ, BKS tại Đại hội**	
		1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 và phương hướng năm 2018	HĐQT
		2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018	Tổng Giám Đốc
		3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2017	BKS
5.	9h50-10h30	Thảo luận các nội dung Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của Tổng giám đốc và Báo cáo Ban Kiểm Soát	
6.	10h30-10h45	**III.Thông qua và biểu quyết các tờ trình:** -Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017; Báo cáo của HĐQT, BKS. -Báo cáo của Tổng Giám Đốc về kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018. - Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018 - Thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, thư ký công ty năm 2017 và Kế hoạch chi trả năm 2018. - Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2018 và soát xét BCTC bán niên năm 2018. - Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty. - Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	HĐQT
7	10h15-11h00	**IV. Thủ tục kết thúc đại hội**	
		Thông qua Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018	Thư ký

Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH

QUẢNG VĂN VIẾT CƯƠNG

BECAMEX BCE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

DỰ THẢO
QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐHĐCĐ

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 18/02/2002 và được sửa đổi bổ sung lần 10 ngày 24/04/2015;

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương Ban hành Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (ĐHĐCĐ) của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương (gọi tắt là Công ty).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện và thể thức tiến thành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông hoặc người được các Cổ đông ủy quyền hợp pháp (gọi chung là Cổ đông) và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ

1.Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách Cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt ngày 21/03/2018 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự Đại hội (sau đây gọi tắt là cổ đông) cần mang theo giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu

- Giấy ủy quyền (Trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội)

Sau khi xuất trình các giấy tờ nêu trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận một phiếu biểu quyết (ghi họ và tên, mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó), tài liệu họp và phiếu đặt câu hỏi.

b. Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được quyền ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

c. Cổ đông tham dự Đại hội, sau khi nghe báo cáo các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

d. Cổ đông tham dự Đại hội có ý kiến thảo luận, phải tiến hành đăng ký phát biểu theo mẫu Phiếu đặt câu hỏi của Ban tổ chức. Mẫu phiếu đặt câu hỏi được phát cho từng cổ đông ngay vào ngày khai mạc Đại hội (khi làm thủ tục tham dự Đại hội), cổ đông nộp phiếu đặt câu hỏi tại bàn Thư ký trước giờ Đại hội tiến hành thảo luận 15 phút, Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp ưu tiên cho các cổ đông tham dự Đại hội phát biểu theo thứ tự đăng ký, các ý kiến phát sinh sau trong quá trình tiến hành Đại hội sẽ được Chủ tọa đại hội ghi nhận, nếu đủ thời gian thì sẽ được giải đáp tại Đại hội, nếu không đủ thời gian thì sẽ giải đáp trực tiếp bằng văn bản gởi kèm báo cáo kết quả Đại hội đến địa chỉ đăng ký của Cổ đông. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu hoặc dừng ngay lời phát biểu nếu nội dung phát biểu không đúng chương trình nội dung nghị sự của Đại Hội để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

e. Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông tham dự Đại hội đến muộn sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đoàn

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo Chương trình đã được thông qua và phản ánh mong muốn của đa số người dự họp.

4. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi Địa điểm họp trong các trường hợp sau đây.

- Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả những người dự họp.

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

5. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

6. Chủ tọa đoàn/ Thư ký sẽ thông qua Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông trước khi bế mạc Đại hội. Thay vì Đại hội đồng Cổ đông sẽ thông qua Biên bản trước khi bế mạc Đại hội, theo dự kiến của Ban tổ chức chúng tôi xin phép Đại hội thông qua Nghị quyết trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung, diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các Cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

2. Được sử dụng máy ghi âm để hoàn chỉnh Biên bản một cách đầy đủ và trung thực theo trình tự, diễn biến phiên họp Đại hội đồng Cổ đông.

3. Soạn thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

4. Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản sẽ được hoàn chỉnh một cách trung thực và đầy đủ theo diễn biến tại Đại hội, là cơ sở để Thư ký tổng hợp báo cáo kết quả Đại hội thông báo đến từng Cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Chủ tọa giới thiệu Ban kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Giám sát việc biểu quyết của các Cổ đông hoặc người đại diện tham dự tại Đại hội.
- Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội

CHƯƠNG VIII
TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách Cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách Cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2018.

Điều 9. Trật tự Đại hội

a. Cổ đông đến dự Đại hội khi vào hội trường tham dự Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.

b. Cổ đông có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp Cổ đông nào vì lý do cá nhân phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc ĐHĐCĐ có trách nhiệm liên hệ với Ban tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp Cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức thì Cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 10. Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc

Tất cả các nội dung trong Chương trình Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến bằng phiếu biểu quyết công khai của tất cả Cổ đông tham dự Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một phiếu biểu quyết, trong đó có ghi họ tên Cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu) của Cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.

2. Cách biểu quyết.

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

Khi biểu quyết thông qua một vấn đề đưa ra, các cổ đông tán thành thông qua thì giơ cao phiếu biểu quyết. Thành viên Ban kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng Cổ đông tán thành.

Tương tự, theo hướng dẫn của Chủ tọa, các Cổ đông không tán thành hoặc không có ý kiến sẽ lần lượt giơ cao phiếu biểu quyết.

Điều 11. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về loại cổ phần và số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; Tổ chức lại, giải thể Công ty được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông.

Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 51% có tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành.

CHƯƠNG IV
KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 12. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải lập xong trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin và lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương.

Điều 13. Điều khoản thi hành

Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương gồm có 4 Chương, 13 Điều, được công khai trước khi tiến hành ĐHĐCĐ và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua.

Cổ đông và những người tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

BECAMEX BCE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HĐQT

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

C

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG	**ỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do –Hạnh phúc
Số: 02/2017/BC-HĐQT	*Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2018

<u>Kính trình</u>: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương thông qua ngày 14/04/2017.*
- *Căn cứ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua.*

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương (BECAMEX BCE) xin báo cáo một số hoạt động chính của Công ty trong năm 2017 với kết quả đạt được và chưa đạt được như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Năm 2017 được đánh giá là năm thành công của nền kinh tế Việt Nam khi mức tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, tỉ lệ lạm phát 3,53% . Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy tốc độ tăng trưởng sản lượng ngành dịch vụ ở mức cao, cao hơn so với tăng trưởng sản lượng ngành công nghiệp - xây dựng và ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị BECAMEX BCE cố gắng hoàn thành trọng trách của mình trong việc hoạch định chiến lược trọng tâm, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai nhiều giải pháp linh hoạt để thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua.

Kết thúc năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được kết quả sau:

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN NĂM 2016	NĂM 2017		TỶ LỆ	
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TH2017 /TH2016	TH2017 /KH2017
1	Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	862.192.971.287	510.000.000.000	579.039.942.715	67,17%	113,54%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.821.943.042	32.600.000.000	36.840.902.117	185,86%	113,01%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.443.470.609	26.080.000.000	29.193.134.605	189,03%	111,94%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	357		813		

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2017

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

Số lượng thành viên HĐQT gồm 5 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT/	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	14/04/2017	6/6	100%	
2	Ông Quảng Văn Viết Cương	Phó CT HĐQT	14/04/2017	6/6	100%	
3	Ông Nguyễn Hoàn Vũ	TV.HĐQT	14/04/2017	6/6	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	TV.HĐQT	14/04/2017	6/6	100%	
5	Bà Lê Thị Diệu Thanh	TV.HĐQT	14/04/2017	6/6	100%	

2. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, HĐQT đã tiến hành 06 phiên họp chính thức để thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư dự án, vấn đề về nhân sự, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	01/03/2017	- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.
2	02/2017/NQ-HĐQT	13/03/2017	- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.
3	03/2017/NQ-HĐQT	11/05/2017	- Thông qua phương án tái cấu trúc bộ máy quản lý và các đơn vị phòng ban của công ty. -Thông qua việc bổ nhiệm, phân công lại chức năng nhiệm vụ của các thành viên trong Ban Tổng giám đốc. - Thông qua phương án bổ nhiệm các chức danh quản lý.
4	04/2017/NQ-HĐQT	11/05/2017	- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2017. - Thông qua việc chốt danh sách để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt.
5	05/2017/NQ-HĐQT	29/11/2017	- Thông qua phương án kinh doanh Dự án Nhà ở công nhân tại Khu dân cư 5F, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (Lô F113

			và F118)
6	06/2017/NQ-HĐQT	29/11/2017	- Thông qua phương án kinh doanh Dự án Nhà ở công nhân tại Khu dân cư 5F, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (Lô F102 và F103)

Ngoài ra, trong một số phiên họp HĐQT mở rộng còn có sự tham gia của Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Trưởng – phó phòng các phòng ban của Công ty .

3.Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị.

Năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao của năm 2016 cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và Tổ thư ký Công ty với tổng số tiền là: 287.000.000 đồng (1% lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2016 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua ngày 14/04/2017). Trong đó:

- Hội đồng quản trị: 176.505.000 đồng
- Ban kiểm soát: 76.055.000 đồng
- Tổ thư ký: 34.440.000 đồng

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Công ty. Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành, đề ra những biện pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT đều được Tổng giám đốc báo cáo HĐQT xem xét và quyết định. Các thành viên HĐQT đều được thông tin kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của BECAMEX BCE.

Ngoài ra, tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị đều có sự tham gia của Ban tổng giám đốc để báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh và lắng nghe những chỉ đạo định hướng từ Hội đồng quản trị.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

Từ kết quả đạt được của năm 2017 và trên cơ sở đánh giá tình hình thị trường, HĐQT dự kiến đưa ra kế hoạch năm 2018 như sau:

Doanh thu	**Lợi nhuận sau thuế**
524 tỷ đồng	**40,6 tỷ đồng**
Giảm 9,5% so với năm 2017	**Tăng 39,1% so với năm 2017**

Trên cơ sở định hướng các kế hoạch chỉ tiêu đề ra, HĐQT Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương đã thống nhất một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2018, cụ thể như sau:

- Tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Công ty.

- Trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, cần đa dạng hóa sản phẩm với giá cả phù hợp, phát triển dịch vụ bất động sản, giảm hàng tồn kho, kiểm soát tình hình thu hồi công nợ khách hàng. Tiếp tục triển khai đầu tư mô hình nhà ở thương mại dịch vụ dành cho người lao động có thu nhập thấp.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu, đánh giá thị trường, thu thập thông tin để xác định các thị trường trọng tâm, nắm bắt và lựa chọn cơ hội tham dự đấu thầu các công trình có quy mô lớn hơn, điều kiện thi công tốt hơn.

- Tập trung thực hiện các giải pháp thanh toán thu hồi công nợ, đặc biệt là các dự án đã hoàn thành bàn giao.

- Xác định công tác Quản trị Công ty tốt sẽ giúp thu hút đầu tư tốt, giảm chi phí đầu tư cũng như tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh. Để thực hiện điều này, ngoài việc áp dụng Quy chế Quản trị Công ty đã ban hành, HĐQT đã thực hiện việc phân công công việc cho từng thành viên chịu trách nhiệm và thực hiện chức năng nhiệm vụ cụ thể của mình: chiến lược phát triển, tài chính, nhân sự ... giúp HĐQT xây dựng những định hướng mang tính quyết định cho hoạt động của Công ty.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quảng Văn Viết Cương

BECAMEX BCE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018

<u>Kính trình</u>: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ Phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương thông qua ngày 14/04/2017.*
- *Căn cứ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua.*

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao Thông Bình Dương (BECAMEX BCE) xin báo cáo một số hoạt động chính của Công ty trong năm 2017 như sau:

A. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017:

I/ Đánh giá chung về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2017 Việt Nam khép lại với mức tăng trưởng kinh tế đạt 6,81% (vượt mục tiêu 6,7% Quốc hội giao), tỉ lệ lạm phát 3,53% (thấp hơn kế hoạch đưa ra là 4%). Nhìn chung, năm 2017 được coi là năm thành công của kinh tế Việt Nam ở cả tăng trưởng GDP, xuất khẩu, thu ngân sách, thu hút đầu tư ...

Riêng đối với thị trường Bất động sản cho thấy diễn biến trái ngược tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Trong khi thị trường Bất động sản Hà Nội tương đối trầm lắng thì thị trường TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh thành phía Nam lại diễn biến hết sức sôi động, tăng mạnh cả về lượng mở bán và giao dịch thành công. Trên cả hai thị trường, các giao dịch vẫn chủ yếu diễn ra ở phân khúc trung cấp và bình dân.

Trong lĩnh vực xây dựng, trước tình hình tài nguyên ngày càng cạn kiệt, việc siết chặt khai thác cát đã đẩy giá cát lên cao, nguồn cung khan hiếm khiến cho các Nhà thầu, Công ty xây dựng lao đao. Có thời điểm giữa quý 2 năm 2017 giá cát xây tô, cát bê tông tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm 2016. Giá cát tăng, kéo theo nguyên vật liệu sản xuất bê tông tăng (nhà cung cấp bê tông thương phẩm cũng đã 8 lần điều chỉnh tăng giá so với năm trước). Giá các loại vật liệu xây dựng khác cũng tăng từ 5-10% (như gạch, đá, sắt thép, sơn ...). Những yếu tố trên đây ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của BCE trong năm 2017.

1. Tổng quan các công trình Công ty thi công trong năm 2017:

+ Chủ đầu tư nước ngoài:

- Nhà xưởng Công ty TNHH NỘI THẤT GỖ PHÚ ĐỈNH (giai đoạn 2)
- Nhà xưởng Công ty TNHH YOKOHAMA TYRE VIỆT NAM

+ Tổng Công ty Đầu tư & Phát triển Công nghiệp-CTCP:

- Thi công Nhà văn phòng Becamex (Lucky Square)
- Nhà xe mở rộng và các hạng mục phụ (Bãi đậu xe Becamex Tokyu)

+ Chủ đầu tư khác:

- Nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu 3 Khu định cư Việt Sing (Tòa nhà K1)
- Nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu 3 Khu định cư Việt Sing (Tòa nhà K2)
- Nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu 3 Khu định cư Việt Sing (Tòa nhà K3)
- Hàng rào Công ty CP SETIA BECAMEX

Ngoài ra, trong năm vừa qua, công ty bắt đầu triển khai đầu tư và xây dựng các dự án Nhà ở thương mại dịch vụ công nhân (TM-DV-CN) để đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người lao động. Tại Khu Công nghiệp & Đô thị Bàu Bàng, dự án Nhà ở TM-DV-CN (tổng diện tích 42.934 m^2). Tại Khu Công nghiệp Bình Phước, dự án Nhà ở TM-DV-CN (tổng diện tích 21.729 m^2). Công ty cũng đã bắt đầu triển khai xây dựng. Bước đầu, công ty đã ghi nhận thành công đáng kể khi thu hút số lượng các nhà đầu tư mua để cho thuê lại.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

Kết thúc năm 2017, kết quả đạt được như sau:

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN NĂM 2016	NĂM 2017		TỶ LỆ	
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TH2017 /TH2016	TH2017 /KH2017
1	Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	862.192.971.287	510.000.000.000	579.039.942.715	67,17%	113,54%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.821.943.042	32.600.000.000	36.840.902.117	185,86%	113,01%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	15.443.470.609	26.080.000.000	29.193.134.605	189,03%	111,94%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	357		813		

Tổng doanh thu đạt **579.039.942.715** đồng, giảm **32,83 %** so với năm 2016 và đạt **113,54%** kế hoạch. Trong đó, doanh thu Bất động sản: 331,6 tỷ đồng - chiếm 57,27% tổng doanh thu; doanh thu xây dựng: 247,4 tỷ đồng - chiếm 42,72% tổng doanh thu năm 2017.

Lợi nhuận trước thuế đạt **36.840.902.117** đồng, tăng **85,86%** so với năm 2016 và đạt **113,01%** kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế đạt **29.193.134.605** đồng, tăng **89,03%** so với năm 2016 và đạt **111,94%** kế hoạch.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu: **813** đồng /cổ phiếu .

Đánh giá chung trong năm 2017, về cơ bản Công ty BECAMEX BCE đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra. Cụ thể:

+ Bảo toàn được vốn Chủ sở hữu,

+ Kinh doanh có lãi, đảm bảo lợi ích của các Nhà đầu tư.

+ Đảm bảo các quyền lợi, lợi ích của người lao động.

+ Đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với nhà nước.

+ Đảm bảo mức chi trả cổ tức năm cho cổ đông là **8%** (vượt kế hoạch so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 thông qua là **7%**).

3. Tình hình tài chính:

3.1 Tình hình tài sản:

Tổng tài sản Công ty hiện có **1.157,5 tỷ** đồng (giảm 107 tỷ đồng so với năm 2016). Ngoài những tài sản hiện hữu, đáng chú ý là khoản nợ phải thu **868,2 tỷ** đồng chiếm **75,1%** tổng tài sản.

Hàng tồn kho **210,3 tỷ** đồng chiếm **18,16%** tổng tài sản (so với năm 2016 là 550,6 tỷ đồng, tương ứng giảm 38%).

3.2 Tình hình nợ phải trả:

Tổng nguồn vốn **1.157,5 tỷ đồng**. Ngoài nguồn vốn chủ sở hữu: **356,5 tỷ** đồng còn lại là các khoản vay ngắn hạn và nợ phải trả khác.

4. Thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:

Trong năm 2017, Công ty BCE đã nộp vào Ngân sách Nhà nước với số tiền: **33.348.361.275** đồng.

5. Phúc lợi xã hội:

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động phong trào từ thiện, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa do địa phương phát động, tham gia hoạt động chăm lo người nghèo trên địa bàn phường. Một số hoạt động tiêu biểu:

1. Tặng quà cho các cháu – con của CBNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/06 , Tết trung thu và khen thưởng các cháu có thành tích học tập xuất sắc với tổng giá trị 73 triệu đồng.

2. Tổ chức các hoạt động truyền thống như tặng hoa, quà cho cán bộ nhân viên nữ nhân dịp 8/3 và 20/10 với tổng số tiền 24 triệu đồng.

3. Phối hợp cùng Đoàn thanh niên tổ chức hội thao (bóng bàn, bóng chuyền, cầu lông) kỷ niệm ngày liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

4. Đóng góp vào quỹ phòng, chống thiên tai của địa phương với số tiền 30 triệu đồng.

5. Tham gia tài trợ 110 triệu đồng cho giải quần vợt nhà nghề quốc tế Men's Future Cúp Becamex IDC – 2017.

6. Ủng hộ chương trình "Tập sách yêu thương" do Liên đoàn Lao động Tỉnh Bình Dương tổ chức với số tiền 9 triệu đồng.

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

6.1.Về cơ cấu tổ chức

Thực hiện cải tiến cơ cấu tổ chức: trong năm 2017, Công ty đã bổ nhiệm một số vị trí chủ chốt, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ sư trẻ, năng động sáng tạo trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh.

Tính đến ngày 31/12/2017, tổng số CB-CNV của BECAMEX BCE là: 196 người (giảm 16 người so với năm 2016). Lao động nữ là 21 người, lao động nam là 175 người . Tỷ lệ nam, nữ chênh lệch nhiều là do đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của BECAMEX BCE. Trong đó:

+ Trình độ trên đại học (thạc sĩ): 1 người

+ Trình độ Đại học : 83 người

+ Trình độ Cao đẳng : 10 người

+ Trình độ Trung cấp : 17 người

+ Trình độ khác : 85 người

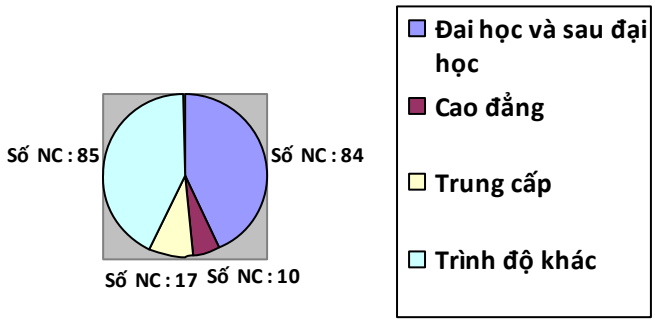

6.2. Về chính sách, quản lý:

Trong năm vừa qua BCE đã dần hoàn thiện các quy trình làm việc, phân công rõ ràng nhiệm vụ quyền hạn cụ thể cho mỗi phòng ban, các Phó Tổng giám đốc phụ trách, Kế toán trưởng, Chỉ huy trưởng công trình...

Hoàn thành các quy trình quản lý chất lượng cho hoạt động thi công xây dựng (Quy chế Quản lý và sử dụng vật tư, thiết bị, công cụ tại công trường; Quy chế Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu phụ)

Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin áp dụng cho toàn Công ty, giảm tối đa việc sử dụng văn bản bằng giấy, đảm bảo thông tin nhanh, chính xác, hiệu quả.

Tuân thủ chặt chẽ về " Công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng " . Kiểm tra chặt chẽ từ nguyên vật liệu đầu vào, trong quá trình thi công, nghiệm thu nội bộ khi công trình hoàn thành, đến khi chủ đầu tư nghiệm thu và bàn giao công trình. Vì vậy, các công trình Công ty thi công đều đảm bảo tiến độ, chất lượng theo đúng hợp đồng đã ký kết.

Tất cả các bộ phận của Công ty hoạt động đều có quy chế riêng và tuân thủ theo Điều lệ hoạt động chung của Công ty.

B. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018.

Bước sang năm 2018, dự kiến xu thế tăng trưởng của Việt Nam sẽ tiếp tục nhờ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, cùng sự phục hồi của thị trường hàng hóa thế giới. Dù vậy cũng không thể phủ nhận những thách thức lớn vẫn tiếp tục tồn tại, có nguy cơ đe dọa đến viễn cảnh phát triển của nền kinh tế.

Để tồn tại và phát triển, BECAMEX BCE phải tiếp tục bảo đảm sản xuất và đẩy mạnh các mặt hoạt động, cải tiến công tác quản lý đồng thời phải đảm bảo lợi ích của người lao động và lợi ích của Cổ đông.

Dự kiến kế hoạch năm 2018 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
1	Vốn điều lệ	300.000.000.000
2	Doanh thu thuần	524.000.000.000

3	Lợi nhuận trước thuế	50.800.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế	40.600.000.000
6	Nộp ngân sách	10.000.000.000
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	13,53%

Cụ thể như sau:

- **Hoạt động xây dựng:**

Trong năm 2018, Công ty sẽ triển khai thi công các công trình sau:

I. Công trình bên ngoài:

1. Công trình Nhà ở an sinh xã hội Becamex – Khu 3 Khu định cư Việt Sing:

- Hoàn thiện bàn giao phần còn lại tòa nhà K2 (12 tầng), K3 (15 tầng)
- Thi công Công trình Nhà ở an sinh xã hội Becamex tòa nhà K4, K5 (12 tầng), K6 (15 tầng)

2. Thi công Phần móng Công trình H9A Condominium.

3. Thi công một số hạng mục trong dự án cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bàu Bàng do Tổng Công ty Becamex đầu tư.

II. Các dự án do Công ty BCE làm Chủ đầu tư:

1. Dự án Phố Thương mại Rich Town:

- Thi công 40 căn nhà liên kế: gồm 1 trệt, 2 lầu, sân thượng
- Hoàn thiện đường nội bộ của Dự án.

2. Dự án Nhà ở thương mại dịch vụ công nhân (TM-DV-CN) tại Khu Công nghiệp & Đô thị Bàu Bàng:

- Hoàn thiện bàn giao: 49 căn (21 căn lô đất F102-F103) + (28 căn lô đất F113-F118)
- Xây mới: 103 căn (65 căn lô đất F102-F103) + (38 căn lô đất F113-F118)

3. Dự án Nhà ở thương mại dịch vụ công nhân tại Khu Công nghiệp Bình Phước:

- Hoàn thiện bàn giao: 10 căn (Lô TDC-19)
- Xây mới: 40 căn (Lô TDC-19)

- **Hoạt động kinh doanh bất động sản:**

- Dự án Phố thương mại Rich Town: tổng chi phí đầu tư là 898 tỷ đồng bao gồm 234 căn nhà phố liên kế, hiện nay đã bán được 84 căn. Trong năm 2018, công ty sẽ tiếp thị bán các căn còn lại.

- Với hai dự án Nhà ở TM-DV công nhân tại Khu Công Nghiệp & Đô thị Bàu Bàng (quy mô 42.934 m^2), tổng chi phí đầu tư là 252,6 tỷ đồng; Nhà ở TM-DV công nhân tại Khu Công nghiệp Bình Phước (quy mô 21.729 m^2), dự kiến trong năm 2018, số lượng nhà bán ra của hai dự án này sẽ góp phần tạo nguồn thu đáng kể cho Công ty. Mô hình này sẽ là tiền đề để BCE tiếp tục triển khai đầu tư trong thời gian tới.

- **Về công tác nhân sự:**

- Tổ chức sắp xếp, củng cố lại lực lượng nhân sự theo hướng tinh gọn nhưng chất lượng nhất là nhân sự trong lĩnh vực điều hành nhà cao tầng, lực lượng an toàn lao động.

- Tổng số CBNV năm 2018 dự kiến là 195 người. Lương bình quân dự kiến là 8.400.000 đ/người/tháng, tăng 5% so với năm 2017.

- Năm 2018, Công ty tiếp tục rà soát và sắp xếp nhân sự theo yêu cầu công việc cho phù hợp với tình hình phát triển của Công ty. Đồng thời chú trọng công tác đào tạo để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN KIM TIÊN

BECAMEX BCE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01/2018/BC-BKS	*Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2018*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

Căn cứ vào luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định trong Điều lệ Công ty cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Xây dựng và Giao thông Bình Dương đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C ;

Ban kiểm soát chúng tôi xin báo cáo trước quý vị cổ đông tình hình và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (BCE) nhiệm kỳ 2017-2022 gồm 3 thành viên.

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động như sau:

- Kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra giám sát việc tổ chức điều hành của Ban Tổng Giám Đốc.
- Kiểm tra báo cáo tài chính năm của Công ty.

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát và các vấn đề được thông qua:

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tiến hành 2 cuộc họp thông qua các nội dung sau:

- Thông qua nội dung hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban kiểm soát;
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát 6 tháng đầu năm 2017; đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017;
- Đánh giá báo cáo tài chính năm trình Đại hội cổ đông thường niên.

3. Thù lao của Ban kiểm soát:

Thù lao năm 2016 của Ban kiểm soát được thanh toán trong năm 2017 là 76.055.000 đồng, trong đó:

- Trưởng ban: 30.135.000 đồng
- 02 Thành viên: 22.960.000 đồng/người

II. Kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty CP Xây dựng và Giao thông gồm 5 thành viên. Trong năm 2017, đã tổ chức 04 cuộc họp với số lượng thành viên tham dự đầy đủ, ban hành 06 Nghị quyết đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty. Nội dung cụ thể:

- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017;
- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017;
- Thông qua phương án Tái cấu trúc bộ máy quản lý, bổ nhiệm - phân công lại chức năng nhiệm vụ các thành viên trong Ban TGĐ.
- Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2017; thông qua việc chốt danh sách để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2016
- Thông qua phương án kinh doanh Dự án Nhà ở Công nhân tại Bàu Bàng (Lô F113, F118)
- Thông qua phương án kinh doanh Dự án Nhà ở Công nhân tại Bàu Bàng (Lô F102, F103)

2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc

Trong năm 2017, Ban Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với giấy đăng ký kinh doanh và đúng pháp luật.

Triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức, trích và chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Thực hiện tái cấu trúc bộ máy quản lý, bổ nhiệm phân công lại chức năng nhiệm vụ các thành viên trong Ban TGĐ đảm bảo cho doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đạt kết quả như sau:

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN NĂM 2016	NĂM 2017		TỶ LỆ (%)	
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TH2017 /TH2016	TH2017 /KH2017
1	Tổng doanh thu (đ)	864.714.763.099	510.000.000.000	604.546.088.159	70	119
2	Tổng chi phí (đ)	844.892.820.057	480.000.000.000	567.705.186.042	67	118
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (đ)	19.821.943.042	32.600.000.000	36.840.902.117	186	113
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN (đ)	15.443.470.609	26.080.000.000	29.193.134.605	189	112
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế (đ)	28.738.960.724	26.080.000.000	29.194.251.221	102	112

Năm 2017, Ban Tổng giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh vượt chỉ tiêu kế hoạch, bảo toàn vốn chủ sở hữu. Doanh thu tăng 19% so với kế hoạch. Lợi nhuận vượt 12% kế hoạch, tăng 89% với cùng kỳ năm 2016.

3. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2017

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được lập theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Ban kiểm soát thống nhất số liệu báo cáo về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty. Các báo cáo trên đã phản ảnh trung thực về tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công ty trong năm 2017.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Trong thời gian qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban Công ty đã cung cấp cho Ban kiểm soát thông tin tài liệu, các báo cáo một cách kịp thời, tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

5. Kiến nghị và Kết luận

Năm 2017, Công ty hoàn thành vượt 19% chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận vượt 12% kế hoạch. Như vậy, Công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận, thể hiện sự tính thống nhất cao trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành của ban lãnh đạo công ty.

Năm 2018, Công ty cần tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí vật tư, nhân công nhằm giảm giá thành góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát, kính trình Hội đồng quản trị xem xét và Đại hội cổ đông phê duyệt.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

BECAMEX BCE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

CÁC TỜ TRÌNH

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 01/2018/TT-HĐQT	*Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018*

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017, Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban Kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương đã được Đại Hội đồng Cổ Đông thông qua ngày 18/02/2002 và được sửa đổi bổ sung lần 10 ngày 24/04/2015.

Hội đồng quản trị Công Ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương trình Đại Hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua:

- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2017

(Các báo cáo được đính kèm theo tài liệu đại hội).

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quảng Văn Việt Cương

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 02/2018/TT-HĐQT	*Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018*

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Xây dựng & Giao thông Bình Dương

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương đã được Đại Hội đồng Cổ Đông thông qua ngày 18/02/2002 và được sửa đổi bổ sung lần 10 ngày 24/04/2015.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Thông qua kết quả kinh doanh năm tài chính 2017 theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TỶ LỆ % (TH/KH)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	510.000.000.000	579.039.942.715	113,54%
2	Lợi nhuận trước thuế	32.600.000.000	36.840.902.117	113,01%
3	Lợi nhuận sau thuế	26.080.000.000	29.193.134.605	111,94%
4	Lãi cơ bản/cổ phần (EPS)		813	

2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2018 Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017 (1)	Kế hoạch 2018 (2)	TỶ LỆ % (2/1)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	579.039.942.715	524.000.000.000	90,49%

2	Lợi nhuận trước thuế	36.840.902.117	50.800.000.000	137,89%
3	Lợi nhuận sau thuế	29.193.134.605	40.600.000.000	139,07%
4	Lãi cơ bản/cổ phần (EPS)	813	1.353	

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quảng Văn Viết Cương

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 03/2018/TT-HĐQT	*Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018*

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017,
Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Xây dựng & Giao thông Bình Dương

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương đã được Đại Hội đồng Cổ Đông thông qua ngày 18/02/2002 và được sửa đổi bổ sung lần 10 ngày 24/04/2015.

- Căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2017 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2018

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018, cụ thể như sau:

3. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2017
1	Lợi nhuận sau thuế 2017	Đồng	29.193.134.605
2	Chia cổ tức bằng tiền mặt (8% /VĐL)	Đồng	24.000.000.000
4	Trích lập các quỹ *+ Quỹ khen thưởng phúc lợi (15% LNST)*	Đồng	 4.378.970.191
5	Thù lao Hội đồng quản trị (1% LNST)	Đồng	292.000.000
6	Thưởng Ban điều hành (0.5% LNST)	Đồng	146.000.000
7	Lợi nhuận còn lại năm 2017	Đồng	376.164.414

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	524.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	50.800.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	40.600.000.000
4	Trích lập quỹ (khen thưởng, phúc lợi)	Đồng	15% LNST 2018
5	Thù lao Hội đồng quản trị	Đồng	1% LNST 2018
6	Thưởng Ban điều hành	Đồng	0.5% LNST 2018
7	Chia cổ tức bằng tiền mặt	Đồng	≥10%/Vốn điều lệ, chi trả bằng tiền mặt.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

S.Đ.K.K.D:3700408992-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG
TX. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

Quảng Văn Viết Cương

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 04/2018/TT-HĐQT	*Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018*

TỜ TRÌNH

(V/v phê duyệt chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký công ty năm tài chính 2017 và đề xuất mức thù lao cho năm 2018)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương đã được Đại Hội đồng Cổ Đông thông qua ngày 18/02/2002 và được sửa đổi bổ sung lần 10 ngày 24/04/2015.

- Căn cứ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty năm 2017

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương chi trả mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty năm 2017 là 1% lợi nhuận sau thuế là: **292.000.000 đồng**. Cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị: 184.544.000 đồng/năm.
- Ban kiểm soát: 82.052.000 đồng/năm.
- Tổ thư ký: 25.404.000 đồng/năm.

2. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổ thư ký Công ty năm 2018

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương và yêu cầu công tác quản trị, giám sát các hoạt động kinh doanh trong năm tài chính 2018, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổ thư ký Công ty năm 2018 là 1% lợi nhuận sau thuế và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Quảng Văn Viết Cương

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN **XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG** **BÌNH DƯƠNG** **Số: 05/2018/TT-HĐQT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018*

TỜ TRÌNH

(V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Xây dựng & Giao thông Bình Dương

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương đã được Đại Hội đồng Cổ Đông thông qua ngày 18/02/2002 và được sửa đổi bổ sung lần 10 ngày 24/04/2015.

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

- Căn cứ Thông tư số 95/2017//TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

Để đảm bảo hoạt động của Công ty CP Xây dựng & Giao thông Bình Dương phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị công ty (Toàn văn dự thảo Điều lệ và Quy chế đã được gởi tới cổ đông xem xét).

Điều lệ Công ty CP Xây dựng & Giao thông Bình Dương và Quy chế nội bộ về quản trị công ty sẽ được ban hành, có hiệu lực áp dụng ngay sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Quảng Văn Viết Cương

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN **XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG** **BÌNH DƯƠNG** **Số:01/2017/TT-BKS**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP – TỰ DO –HẠNH PHÚC** *Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018*

TỜ TRÌNH

(V/v Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2018 và soát xét BCTC bán niên năm 2018)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015.

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương đã được Đại Hội đồng Cổ Đông thông qua ngày 18/02/2002 và được sửa đổi bổ sung lần 10 ngày 24/04/2015.

Ban Kiểm soát trình Hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 và soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2018 của Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương như sau:

I. Tiêu chí lựa chọn Công ty Kiểm toán.

1. Là công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
2. Có kinh nghiệm kiểm toán cho các công ty, tập đoàn lớn trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản; tài chính, sản xuất và đầu tư xây dựng.
3. Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;
4. Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
5. Đáp ứng được yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
6. Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

II. Đề xuất

Công ty TNHH Tư Vấn Và Kiểm Toán (A&C) đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần BCE từ năm 2003 đến năm 2017. Ban Kiểm soát Công ty nhận thấy đây là một công ty kiểm toán có uy tín, trách nhiệm và có đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn tốt. Công ty A & C đã luôn hoàn thành kịp thời công tác kiểm toán và có những ý kiến đóng góp giúp cho Công ty hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và bộ máy kế toán. Ban Kiểm soát trình Đại hội xem xét và chấp thuận việc tiếp tục chọn Công ty TNHH Tư Vấn Và Kiểm Toán (A&C) kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2018.

Trân trọng kính trình.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP. HĐQT

BECAMEX BCE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	ĐỘC LẬP – TỰ DO –HẠNH PHÚC
Số: 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ	***Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018***

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

- Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương đã được Đại Hội đồng Cổ Đông thông qua ngày 18/02/2002 và được sửa đổi bổ sung lần 10 ngày 24/04/2015.

- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2018 số 01/2018/BBH/ĐHCĐ ngày 13/04/2018.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2018 của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình dương được tổ chức tại **HỘI TRƯỜNG VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG - Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TPTDM, Bình Dương (Thành Phố Mới Bình Dương)** vào lúc 9h00 ngày 13/04/2018 với **.....** đại biểu, đại diện cho **.....** cổ phần chiếm **.....%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017, báo cáo của Hội Đồng Quản Trị năm 2017 và phương hướng năm 2018, Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2017 (*Báo cáo tài chính được đính kèm theo tài liệu Đại hội).*

- ***Tỷ lệ biểu quyết tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến: .....***

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2018 với nội dung chủ yếu sau:

1. Thông qua kết quả kinh doanh năm tài chính 2017 theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TỶ LỆ % (TH/KH)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	510.000.000.000	579.039.942.715	113,54%
2	Lợi nhuận trước thuế	32.600.000.000	36.840.902.117	113,01%
3	Lợi nhuận sau thuế	26.080.000.000	29.193.134.605	111,94%
4	Lãi cơ bản cổ phiếu		813	

- ***Tỷ lệ biểu quyết tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến: .....***

2. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2018 Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017 (1)	Kế hoạch 2018 (2)	TỶ LỆ % (2/1)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	579.039.942.715	524.000.000.000	90,49%
2	Lợi nhuận trước thuế	36.840.902.117	50.800.000.000	137,89%
3	Lợi nhuận sau thuế	29.193.134.605	40.600.000.000	139,07%

- ***Tỷ lệ biểu quyết tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến: .....***

Điều 3. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2018, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2017
1	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	29.193.134.605
2	Chia cổ tức bằng tiền mặt (8% /VĐL)	Đồng	24.000.000.000
3	Trích lập các quỹ *+ Quỹ khen thưởng phúc lợi (15% LNST)*	Đồng	4.378.970.191
4	Thù lao Hội đồng quản trị (1% LNST)	Đồng	292.000.000

5	Thưởng Ban điều hành (0.5% LNST)	Đồng	146.000.000
6	Lợi nhuận còn lại năm 2017	Đồng	376.164.414

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	524.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	50.800.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	40.600.000.000
4	Trích lập quỹ (khen thưởng, phúc lợi)	Đồng	15% LNST 2018
5	Thù lao Hội đồng quản trị	Đồng	1% LNST 2018
6	Thưởng Ban điều hành	Đồng	0.5% LNST 2018
7	Chia cổ tức bằng tiền mặt	Đồng	≥10%/Vốn điều lệ, chi trả bằng tiền mặt.

- ***Tỷ lệ biểu quyết tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến: .....***

Điều 4. Thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS, Tổ Thư ký Công ty và kế hoạch chi trả năm 2017, cụ thể là:

1. Chi trả thù lao HĐQT, BKS, Tổ Thư ký Công ty năm 2017 với tổng số tiền là: **292.000.000 đồng**. Trong đó:

- Hội đồng quản trị: 184.544.000 đồng/năm.
- Ban kiểm soát: 82.052.000 đồng/năm.
- Tổ thư ký: 25.404.000 đồng/năm.

- ***Tỷ lệ biểu quyết tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến: .....***

2. Kế hoạch Chi trả thù lao HĐQT, BKS, Tổ thư ký Công ty năm 2018:
Thù lao HĐQT, BKS, Tổ Thư ký Công ty năm 2018: 1% LNST năm 2018

- ***Tỷ lệ biểu quyết tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến: .....***

Điều 5. Thông qua việc chọn công ty kiểm toán BCTC cho năm 2018:

Đại Hội thống nhất chọn Công ty TNHH Tư Vấn Và Kiểm Toán (A&C) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2018 và soát xét Báo cáo tài chính bán niên năm 2018.

- ***Tỷ lệ biểu quyết tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến: .....***

Điều 6. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty *(các báo cáo đã được đính kèm tho tài liệu Đại hội)*.

- ***Tỷ lệ biểu quyết tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không tán thành: .....***
- ***Tỷ lệ biểu quyết không có ý kiến: .....***

Điều 7. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương thống nhất giao nhiệm vụ cho Hội Đồng Quản Trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các Cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội này theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Nghị quyết này đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2018 Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Giao Thông Bình Dương nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 13/04/2018.

TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BECAMEX BCE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG 2018

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 37. Kiểm soát viên

Điều 38. Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

Điều 46. Năm tài chính

Điều 47. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 49. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

Điều 53. Gia hạn hoạt động

Điều 54. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ sửa đổi này được các cổ đông của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông vào ngày 13 tháng 04 năm 2018.

Bản điều lệ này thay thế cho bản điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2015.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ Phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương
- Tên tiếng Anh: Binh Duong Construction & Civil Engineering Joint Stock Company
- Tên giao dịch: BECAMEX BCE.
- Logo công ty:

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Lô G, Đường Đồng Khởi, Phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274. 2220888
- Fax: 0274.2220886
- Email: info@becamexbce.com.vn
- Website: www.becamexbce.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

a) Thi công xây dựng, tư vấn thiết kế các công trình: dân dụng; công nghiệp; giao thông (cầu đường bộ); san lắp mặt bằng; điện trung thế, hạ thế, trạm biến áp từ 35kv trở xuống, điện chiếu sáng; trang trí nội, ngoại thất.

b) Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.

c) Lập qui hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư.

d) Sản xuất và lắp đặt cấu kiện bằng thép, khung nhà tiền chế, cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn.

e) Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

f) Đầu tư xây dựng và kinh doanh địa ốc, cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp.

g) Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng.

h) Kinh doanh bất động sản.

i) Kinh doanh dịch vụ bất động sản (môi giới, tư vấn, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản).

j) Sàn giao dịch bất động sản (môi giới, tư vấn, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản – trừ định giá bất động sản)

k) Đầu tư tài chính.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; tạo công ăn việc làm ổn định; và từng bước nâng cao cuộc sống cho người lao động; tăng cổ tức cho các cổ đông; bảo tồn và phát triển nguồn vốn cổ đông; hoàn thành các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đề ra; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **300.000.000.000 VND** (ba trăm tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **30.000.000** cổ phần với mệnh giá là **10.000VND/cổ phần**.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 12 % một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường

hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc

đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của

Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ

tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không

hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu

Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng

quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không

trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán

và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a. Ban kiểm soát;

b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh

nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không

phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp

tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương nhất trí thông qua ngày 13 tháng 04 năm 2018 tại Bình Dương trên cơ sở kế thừa Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2015 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỂM CHÍNH CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY: theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng chính thức có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

(Kèm theo Tờ trình số 05/2018/TT-HĐQT ngày 13/04/2018)

Điều lệ hiện hành ngày 24/04/2015	**Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung**
Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn **năm (05) ngày** trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)	Điều 21: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông **Thêm khoản 4:** 4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
Điều 27: Các cuộc họp của HĐQT 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý; b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;	Điều 30: Cuộc họp của Hội đồng quản trị 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: a. Ban kiểm soát; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; c. ***Thành viên độc lập Hội đồng quản***

c. Ban kiểm soát.	***trị;*** d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; e. Các trường hợp khác (nếu có). **Thêm khoản 9:** . 9. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức ***hội nghị trực tuyến*** giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. ...
Điều 31. Thư ký Công ty Hội đồng quản trị sẽ chỉ định 02 người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị	<u>Điều 32:</u> Người phụ trách quản trị công ty 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm
Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán	<u>Điều 37:</u> 3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp.
Điều 47. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. **Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện**	<u>Điều 52</u>: Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết

hành; c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	định của Đại hội đồng cổ đông; **c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;** d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

BECAMEX BCE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 13 tháng 04 năm 2018

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2018)

Quy chế nội bộ của Công ty bao gồm các nội dung sau đây:

STT	Nội dung
1	Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
2	Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3	Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
4	Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.
5	Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm kiểm soát viên.
6	Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
7	Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Tổng Công ty.
8	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc
9	Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác
10	Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.

Các từ ngữ viết tắt:

Đại hội đồng cổ đông : ĐHĐCĐ

Hội đồng quản trị: HĐQT

Ban kiểm soát: BKS

Ban Tổng giám đốc: Ban TGĐ

Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương: Công ty

Ủy ban chứng khoán Nhà nước: UBCKNN

Sở giao dịch chứng khoán TP HCM: HOSE

Trung tâm lưu ký chứng khoán: TTLKCK

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

Ngày đăng ký cuối cùng là ngày xác định cổ đông được quyền tham dự họp ĐHĐCĐ. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Hội đồng quản trị (HĐQT) gửi thông báo và các tài liệu liên quan đến Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) và Trung tâm lưu ký chứng khoán (TTLKCK) thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất là mười ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

c) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

Các cổ đông, người được uỷ quyền của cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương theo danh sách được Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Theo thời gian nêu tại thư mời họp cổ đông đăng ký tham dự hay ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ vui lòng đăng ký qua điện thoại, fax hoặc email tại:

- Công ty Cổ phần Xây dựng & Giao thông Bình Dương

- Lô G Đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ĐT: (0274) 2220888 - Fax: (0274) 2220886
- Email : info@becamexbce.com.vn

Quý cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến tham dự đại hội vui lòng mang theo thông báo họp, Giấy CMND/ Hộ chiếu để đăng ký tham dự Đại hội (trường hợp giấy uỷ quyền đã gửi qua fax hoặc email, cổ đông vui lòng mang theo bảng gốc để đăng ký tham dự)

d) Cách thức bỏ phiếu;

Sau khi một hoặc một số vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận chi tiết, Chủ toạ ĐHĐCĐ sẽ mời các cổ đông biểu quyết.

Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết ngay tại đại hội, Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

đ) Cách thức kiểm phiếu;

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

e) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

g) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;
- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

h) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;

- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

i) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin đến Uỷ ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và cổ đông Tổng công ty trong vòng 24h sau khi kết thúc cuộc họp.

2. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Các trường hợp được thông qua Nghị quyết bằng văn bản;

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ các trường hợp sau đây:

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- Định hướng phát triển Công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

b) Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

– Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

– Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

– Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

– Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

– Các vấn đề đã được thông qua;

– Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;

Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

b) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

c) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

đ) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được công bố thông tin đến UBCKNN, SGDCK và cổ đông theo quy định của Pháp luật.

e).Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

– Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

– Trình độ học vấn;

– Trình độ chuyên môn;

– Quá trình công tác;

– Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

– Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

– Các thông tin khác (nếu có).

4. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thông báo họp Hội đồng quản trị;

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

b) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

c) Cách thức biểu quyết;

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

– Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

– Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.

– Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

– Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.Các thành viên có quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra cuộc họp của HĐQT để quyết định thì sẽ không

được tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số thành viên có quyền biểu quyết có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

d) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền: trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

đ) Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

e) Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

Nghị quyết Hội đồng quản trị được gửi đến các thành viên HĐQT và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

5. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm kiểm soát viên, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn kiểm soát viên;

Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành

lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

b) Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

c) Cách thức bầu kiểm soát viên;

Việc biểu quyết bầu thành viên kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của ban kiểm soát trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên;

Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

Có đơn từ chức và được chấp thuận;

đ) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên.

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên kiểm soát viên được công bố thông tin đến UBCKNN, SGDCK và cổ đông theo quy định của Pháp luật.

6. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;

HĐQT quyết định thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của HĐQT khi thấy cần thiết, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban

lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Chức năng, nhiệm vụ của tiểu ban chính sách và chiến lược phát triển Công ty:

Tham mưu cho HĐQT trong việc xác định mục tiêu chiến lược kinh doanh của Công ty, định hướng thị trường trong ngắn hạn cũng như dài hạn;

Tham mưu cho HĐQT đề ra các chính sách phát triển sản phẩm truyền thống và chủ lực của Công ty, nghiên cứu, đánh giá các dự án đầu tư mới của Công ty trình HĐQT trước khi quyết định đầu tư;

Nghiên cứu và phân tích các yếu tố cũng như mức độ khả thi của kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm do Tổng Giám đốc trình trước khi HĐQT phê duyệt và trình ĐHĐCĐ quyết định thông qua;

Các vấn đề khác liên quan đến chiến lược phát triển Công ty.

c) Chức năng, nhiệm vụ của tiểu ban Quản lý các vấn đề về nhân sự

Tham mưu cho HĐQT về quy mô, cơ cấu của HĐQT, người điều hành, cán bộ quản lý khác phù hợp với qui mô hoạt động và chiến lược phát triển của Tổng Công ty;

Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và người điều hành Tổng Công ty theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;

Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Tổng Công ty về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân viên, quy trình đào tạo và các chính sách khác đối với người lao động trong Tổng Công ty.

Các vấn đề khác liên quan đến công tác quản trị nhân sự của Tổng Công ty…

d) Chức năng, nhiệm vụ của tiểu ban quản lý tài chính và kiểm toán

Nghiên cứu, đánh giá và phân tích tình hình tài chính của Tổng Công ty trong từng thời kỳ, đề xuất với HĐQT các biện pháp tài chính hiệu quả và phù hợp với thực tế của Tổng Công ty;

Tham mưu cho HĐQT ban hành các quy định về quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ;

Kiểm tra, kiểm toán các báo cáo tài chính do Tổng Giám đốc trình HĐQT thông qua;

Các vấn đề khác liên quan đến công tác quản trị tài chính Tổng Công ty.

e) Chức năng, nhiệm vụ của tiểu ban Thi đua và Khen thưởng

Tham mưu cho HĐQT ban hành các quy chế, chính sách về thi đua khen thưởng và giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách này;

Giám sát việc các cán bộ quản lý chấp hành các quy chế nội bộ do ĐHĐCĐ và HĐQT ban hành. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao của Công ty;

Tư vấn cho HĐQT chỉ đạo thực hiện công tác thi đua – khen thưởng được công khai, chính xác, công bằng và kịp thời, đề xuất mức trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của Công ty;

Các vấn đề khác liên quan đến công tác thi đua khen thưởng.

7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các tiêu chuẩn của người điều hành;

Yêu cầu trình độ:

Có trình độ đại học hoặc tương đương trở lên đúng chuyên ngành.

Sử dụng thông thạo vi tính trong quản lý văn phòng.

Yêu cầu về năng lực:

Chủ trì nghiên cứu và tổ chức thực hiện các công việc được phân công.

Xây dựng được các phương án, đề án, quy chế, thể lệ để quản lý hoặc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn do mình đảm nhận.

Nghiên cứu xây dựng quy chế quản lý thông tin, thống kê số liệu, lưu trữ, hồ sơ, chế độ báo cáo.

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; đề xuất các phương án quản lý công việc chuyên môn phù hợp với tình hình, đặc điểm của Công ty.

Tiêu chuẩn khác:

Hiểu biết về hệ thống pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty, chấp hành Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

Nắm vững đường lối, chính sách của Nhà nước về các lĩnh vực có liên quan đến nhiệm vụ chuyên môn được giao;

Nắm vững các kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ; hiểu biết sâu về các nguyên tắc quản lý nghiệp vụ lĩnh vực mình đang đảm nhận;

Nắm vững các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật và của Công ty.

b) Việc bổ nhiệm miễn nhiệm người điều hành;

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương của các chức danh: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương của các chức danh: Thư ký công ty, các Giám đốc, Phó Giám đốc bộ phận chức năng, Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc và các chức danh quản lý cấp cao khác trên cơ sở trình của Tổng giám đốc.

c) Ký hợp đồng lao động với người điều hành;

Khi làm việc tại Công ty, người điều hành được ký hợp đồng lao động và được hưởng các chế độ của người lao động theo quy định của Pháp luật.

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:

Quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp được công bố thông tin đến UBCKNN, SGDCK và cổ đông theo quy định của Pháp luật.

8. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;

Các cuộc họp có sự tham gia của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được tổ chức định kỳ, ít nhất mỗi quý một cuộc họp.

Chủ tịch HĐQT tổ chức chương trình, nội dung họp và gửi thư mời cho Ban kiểm soát và Ban TGĐ.

Thông báo mời họp kèm tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi trước cho các thành viên ít nhất trước 3 ngày diễn ra cuộc họp.

Về các quyết định được thông qua ban kiểm soát và Ban TGĐ được quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

b) Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

c) Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Tổng giám đốc yêu cầu tổ chức họp Hội đồng quản trị khi cần xin ý kiến Hội đồng quản trị thông qua các chủ trương kinh doanh hoặc đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT.

d) Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

Định kỳ hàng quý Tổng giám đốc phải có báo cáo gửi Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó phân tích rõ từng kết quả hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh, và tỷ lệ đạt được so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ cũng như HĐQT giao phó.

đ) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc;

Hội đồng quản trị áp dụng cách thức tự phê bình và phê bình trong Tổng Công ty qua đó Tổng giám đốc tự nhận thấy ưu nhược điểm để ngày càng nâng cao công tác quản lý.

Kiểm điểm theo nội dung: quá trình thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng quản trị phân công, tinh thần trách nhiệm, kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

e) Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.

Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua.

g) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính. Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc để đưa ra các nhận định và đề xuất về tình hình tài chính của Công ty.

Hàng năm Ban kiểm soát tổ chức ít nhất hai cuộc họp đình kỳ nhằm kiểm soát tình hình tài chính của Công ty. Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ liên quan và hỗ trợ kiểm soát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

9. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác;

Khen thưởng

Tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm HĐQT sẽ trình đại hội quyết định tỷ lệ % trích từ lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch để thưởng cho thành viên HĐQT, BKS.

Trong trường hợp Công ty đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra, HĐQT lập tờ trình xin ĐHĐCĐ thông qua số tiền thưởng tương ứng để thưởng Ban điều hành.

Kỷ luật

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT xem xét tư cách thành

viên của HĐQT, Ban điều hành và cán bộ quản lý cấp cao để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỹ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xem xét tư cách thành viên của Ban kiểm soát, để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

10. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty :

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, và quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm trợ lý người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

Quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty được công bố thông tin đến UBCKNN, SGDCK và cổ đông theo quy định của Pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BECAMEX BCE

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2017

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

an independent member of
BAKER TILLY
INTERNATIONAL

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4.	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 33
8.	Phụ lục	34 - 37

****

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700408992, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 02 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 03 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính
- Địa chỉ : Lô G, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 – 274) 222 0 888
- Fax : (84 – 274) 222 0 886

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:
- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Thi công điện dân dụng và điện công nghiệp;
- San lấp mặt bằng;
- Sản xuất, lắp đặt cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bãi cát);
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng, kinh doanh bất động sản;
- Môi giới, đấu giá và tư vấn bất động sản;
- Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng, thiết kế quy hoạch chi tiết, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, thiết kế công trình giao thông (cầu đường bộ), thiết kế công trình điện trung hạ thế và biến áp từ 35KV trở xuống, thiết kế hệ thống điện chiếu sáng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Lập dự án đầu tư; Đầu tư tài chính;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất (trừ thiết kế).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Quảng Văn Viết Cương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Kim Tiên	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hoàn Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Tuấn Dũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Hồ Minh Diễm Thúy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Viết Yên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Bà Huỳnh Thị Quế Anh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Kim Tiên	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2017
Ông Lý Tấn Trí	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Văn Cọp	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2017
Ông Bùi Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2017

Đại diện theo pháp luật
Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Kim Tiên - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2017).

Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Quảng Văn Viết Cương
Phó Chủ tịch

Ngày 16 tháng 3 năm 2018

BAKER TILLY
A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 1.0395/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

M.S.D.N: 0300449815 - C.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C - Q. TÂN BÌNH - T. PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

Lương Anh Vũ - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1832-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.093.812.374.197**	**1.222.323.778.056**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**14.460.733.213**	**10.960.197.052**
1. Tiền	111		13.460.733.213	9.960.197.052
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**868.286.762.999**	**658.728.853.322**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	867.908.384.959	656.385.892.696
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	266.481.944	501.841.881
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	469.472.422	1.841.118.745
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(357.576.326)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**210.303.983.454**	**550.618.175.010**
1. Hàng tồn kho	141	V.6	210.303.983.454	550.618.175.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**760.894.531**	**2.016.552.672**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	760.894.531	531.425.157
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	1.485.127.515
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**63.753.388.150**	**41.739.494.114**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**46.539.137.845**	**23.011.250.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	46.226.297.845	22.698.410.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	312.840.000	312.840.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**11.518.166.743**	**12.778.758.571**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	7.062.512.461	8.180.860.502
- *Nguyên giá*	*222*		*47.788.795.746*	*47.757.895.746*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(40.726.283.285)*	*(39.577.035.244)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.455.654.282	4.597.898.069
- *Nguyên giá*	*228*		*5.711.577.811*	*5.711.577.811*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(1.255.923.529)*	*(1.113.679.742)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**2.000.000.000**	**2.000.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**3.696.083.562**	**3.949.485.543**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.696.083.562	3.949.485.543
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1.157.565.762.347**	**1.264.063.272.170**

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**801.056.814.357**	**908.009.614.677**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**801.056.814.357**	**808.559.296.219**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	664.529.654.503	583.611.874.036
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	20.133.348.049	11.159.745.675
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	22.607.617.523	1.173.116.356
4. Phải trả người lao động	314	V.14	1.607.964.279	1.598.993.011
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	42.444.350.501	108.963.201.981
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	3.332.782.720	1.199.035.943
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	37.384.123.681	75.695.932.904
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	7.677.835.480	25.151.920.800
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.339.137.621	5.475.513
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	**99.450.318.458**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	99.450.318.458
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**356.508.947.990**	**356.053.657.493**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**356.508.947.990**	**356.053.657.493**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	300.000.000.000	300.000.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*300.000.000.000*	*300.000.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.20	7.271.654.085	7.271.654.085
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	20.043.042.684	20.043.042.684
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	29.194.251.221	28.738.960.724
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*1.116.616*	*28.738.960.724*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*29.193.134.605*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1.157.565.762.347**	**1.264.063.272.170**

Bình Dương, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Lương Thị Quỳnh Hoa	Hồ Minh Diễm Thúy	Nguyễn Kim Tiên
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	579.039.942.715	862.192.971.287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	90.909.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		579.039.942.715	862.102.062.196
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	550.710.416.580	831.183.012.557
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.329.526.135	30.919.049.639
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	179.371.505	1.566.847.562
7. Chi phí tài chính	22		7.041.835.822	5.780.548.268
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.041.835.822	5.780.548.268
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	568.925.617	44.500.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.334.297.850	7.784.899.513
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.563.838.351	18.875.949.420
11. Thu nhập khác	31	VI.6	25.326.773.939	1.045.853.341
12. Chi phí khác	32		49.710.173	99.859.719
13. Lợi nhuận khác	40		25.277.063.766	945.993.622
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.840.902.117	19.821.943.042
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	7.647.767.512	4.378.472.433
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.193.134.605	15.443.470.609
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	813	357
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	813	357

Bình Dương, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Lương Thị Quỳnh Hoa	Hồ Minh Diễm Thúy	Nguyễn Kim Tiên
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***36.840.902.117***	***19.821.943.042***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	1.291.491.828	2.190.884.208
-	Các khoản dự phòng	03	V.5, V.18	(17.116.508.994)	24.193.359.256
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(144.013.889)	(1.499.971.081)
-	Chi phí lãi vay	06		7.041.835.822	5.780.548.268
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***27.913.706.884***	***50.486.763.693***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(231.958.246.334)	53.226.697.569
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		340.314.191.556	568.802.902.108
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(56.747.187.285)	(658.332.653.486)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		23.932.607	1.155.602.747
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(7.041.835.822)	(5.780.548.268)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(3.460.745.792)	(13.778.726.599)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19, V.20	(3.404.182.000)	(2.242.775.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***65.639.633.815***	***(6.462.737.237)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(30.900.000)	(191.456.600)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	144.013.889	1.499.971.081
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***113.113.889***	***1.308.514.481***

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	73.842.612.954	128.587.208.658
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(112.154.422.177)	(142.629.610.047)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, V.20	(23.940.402.320)	(20.949.749.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(62.252.211.543)***	***(34.992.150.664)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**3.500.536.161**	**(40.146.373.420)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**10.960.197.052**	**51.106.570.472**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**14.460.733.213**	**10.960.197.052**

Bình Dương, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Lương Thị Quỳnh Hoa	Hồ Minh Diễm Thúy	Nguyễn Kim Tiên
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các loại nhà ở; Xây dựng công trình giao thông; San lấp mặt bằng; Thi công điện dân dụng và điện công nghiệp; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư và khu công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng. Đối với các hoạt động kinh doanh của các dự án kinh doanh bất động sản chu kỳ sản xuất kinh doanh theo thời gian quy định tại phương án kinh doanh.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
Doanh thu năm nay của Công ty giảm mạnh so với năm trước chủ yếu là do các công trình xây dựng lớn đã được nghiệm thu và bàn giao trong năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận năm nay lại tăng mạnh chủ yếu là do Công ty hoàn nhập dự phòng phải trả liên quan đến bảo hành công trình xây dựng cho Công ty TNHH Nội thất gỗ Phú Đinh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 195 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 212 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:
  - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
  - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa
Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 12 tháng.

Tiền thuê đất
Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Các chi phí trả trước khác
Các chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động
Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình
Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 05

9. Tài sản cố định vô hình
Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để có quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất của Công ty được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (49 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng. Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành từ 01% đến 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác xuất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác là quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia
Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:
- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
- Nếu hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	711.779.560	570.057.983
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.748.953.653	9.390.139.069
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	**14.460.733.213**	**10.960.197.052**

Khoản tương đương tiền cuối năm có giá trị 1.000.000.000 VND bị phong toả để đảm bảo cho việc phát hành chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

2. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	***421.040.178.666***	***381.706.115.623***
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV	376.191.816.295	342.225.812.183
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	4.137.562.453	4.137.562.453
Công ty Cổ phần Dược Becamex	884.514.464	884.514.464

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Becamex Tokyu	-	816.919.751
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	39.826.285.454	33.621.292.725
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	-	20.014.047
Phải thu các khách hàng khác	***446.868.206.293***	***274.679.777.073***
Công ty TNHH Nội thất gỗ Phú Đinh	37.445.453.449	54.797.154.212
Các khách hàng khác	409.422.752.844	219.882.622.861
Cộng	**867.908.384.959**	**656.385.892.696**

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu dài hạn các khách hàng mua bất động sản.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Container Sao Biển	172.700.000	-
Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bình Dương	50.000.000	-
Garage Nam Lâm	43.750.000	-
Xí nghiệp Cấp nước Khu liên hợp	-	69.474.031
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Vật liệu Composit Sao Đỏ	-	201.019.500
Công ty TNHH May thêu Giày An Phước		107.173.350
Garage Tánh Đức	-	86.500.000
Các nhà cung cấp khác	31.944	37.675.000
Cộng	**266.481.944**	**501.841.881**

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	***66.000.000***	-	***323.845.500***	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV – Phải thu lại tiền đất của khách hàng đã ứng trước	-	-	257.845.500	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore – Ký quỹ ngắn hạn	66.000.000	-	66.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***403.472.422***	-	***1.517.273.245***	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước chuyển nhượng bất động sản	85.547.528	-	927.090.031	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	317.924.894	-	590.183.214	-
Cộng	**469.472.422**	-	**1.841.118.745**	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Phải thu về khoản ký quỹ tại Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV về việc thi công giai đoạn 1 Thành phố mới Bình Dương.

5. Nợ xấu

Công ty chỉ có một khoản nợ xấu là khoản nợ quá hạn trên 03 năm tiền thi công xây dựng công trình của Công ty TNHH Chế biến gỗ Đông Thâm với số tiền là 357.576.326 VND.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	357.576.326	-
Số cuối năm	**357.576.326**	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	242.153.159	-	242.153.159	-
Công cụ, dụng cụ	26.700.000	-	26.700.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang xây dựng	167.713.442.236	-	207.848.291.069	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh bất động sản	42.321.688.059	-	342.501.030.782	-
Cộng	**210.303.983.454**	-	**550.618.175.010**	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	340.246.515	373.865.747
Chi phí đồng phục	420.648.016	157.559.410
Cộng	**760.894.531**	**531.425.157**

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	-	153.732.307
Tiền thuê đất	3.696.083.562	3.795.753.236
Cộng	**3.696.083.562**	**3.949.485.543**

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.344.803.531	17.686.474.072	17.599.626.677	1.858.852.839	268.138.627	47.757.895.746
Mua trong năm	-	-	-	30.900.000	-	30.900.000
Số cuối năm	**10.344.803.531**	**17.686.474.072**	**17.599.626.677**	**1.889.752.839**	**268.138.627**	**47.788.795.746**
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	973.846.400	16.201.602.254	16.294.953.089	1.314.938.759	268.138.627	35.053.479.129
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.711.124.471	16.959.189.694	17.245.321.249	1.406.256.497	255.143.333	39.577.035.244
Khấu hao trong năm	368.557.020	415.142.998	155.800.692	196.752.037	12.995.294	1.149.248.041
Số cuối năm	**4.079.681.491**	**17.374.332.692**	**17.401.121.941**	**1.603.008.534**	**268.138.627**	**40.726.283.285**
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.633.679.060	727.284.378	354.305.428	452.596.342	12.995.294	8.180.860.502
Số cuối năm	**6.265.122.040**	**312.141.380**	**198.504.736**	**286.744.305**	**-**	**7.062.512.461**
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.499.945.811	211.632.000	5.711.577.811
Số cuối năm	**5.499.945.811**	**211.632.000**	**5.711.577.811**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	61.632.000	61.632.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.019.547.742	94.132.000	1.113.679.742
Khấu hao trong năm	112.243.787	30.000.000	142.243.787
Số cuối năm	**1.131.791.529**	**124.132.000**	**1.255.923.529**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.480.398.069	117.500.000	4.597.898.069
Số cuối năm	**4.368.154.282**	**87.500.000**	**4.455.654.282**
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.17).

10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Bình Dương.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***506.340.886.043***	***491.208.900.924***
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	484.114.514.666	484.724.107.676
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	390.570.818	246.877.169
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	413.876.507	496.219.603
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	532.861.913	1.419.221.309
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	20.889.062.139	4.071.243.362
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex	-	251.231.805
Phải trả các nhà cung cấp khác	***158.188.768.460***	***92.402.973.112***
Công ty TNHH Quốc Việt	94.235.088.124	15.636.463.899
Các nhà cung cấp khác	63.953.680.336	76.766.509.213
Cộng	**664.529.654.503**	**583.611.874.036**

Tại thời điểm cuối năm tài chính, Công ty có khoản nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV (là bên liên quan) trị giá 167.641.650.000 VND (số đầu năm là 33.160.000.000 VND).

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khoản trả trước về tiền chuyển nhượng bất động sản.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	582.247.845	-	24.747.592.932	(4.818.836.071)	20.511.004.706	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		- 1.459.480.550	6.567.221.900	(3.190.573.601)	1.917.167.749	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	95.545.872	-	239.003.110	(270.172.191)	64.376.791	-
Thuế thu nhập cá nhân	495.322.639	-	119.578.239	(500.346.379)	114.554.499	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	25.646.965	49.710.173	(23.549.430)	513.778	-
Cộng	**1.173.116.356**	**1.485.127.515**	**31.726.106.354**	**(8.806.477.672)**	**22.607.617.523**	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.840.902.117	19.821.943.042
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	*1.497.935.445*	*2.210.419.123*
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	-	-
Thu nhập chịu thuế	38.338.837.562	22.032.362.165
Thu nhập được miễn thuế	(100.000.000)	(140.000.000)
Thu nhập tính thuế	38.238.837.562	21.892.362.165
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**7.647.767.512**	**4.378.472.433**
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận doanh thu trong năm	*(1.080.545.612)*	*(607.779.280)*
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	**6.567.221.900**	**3.770.693.153**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và lương phép năm 2017 còn phải trả.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	***40.994.800.457***	***41.057.242.957***
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – TNHH MTV – Trích trước chi phí quyền sử dụng đất phải trả	40.994.800.457	41.057.242.957
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	***1.449.550.044***	***67.905.959.024***
Công ty TNHH nội thất gỗ Phú Đinh – Trích trước chi phí công trình	323.131.170	631.826.450
Trích trước chi phí công trình nhà xưởng Yokohama	981.764.276	
Trích trước chi phí công trình Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương	-	38.856.520.871
Trích trước chi phí tổ hợp Công trình Sunrise	-	23.664.659.096
Trích trước chi phí công trình nhà hàng Sunrise	-	4.752.952.607
Chi phí khác	144.654.598	-
Cộng	**42.444.350.501**	**108.963.201.981**

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	159.545.641	249.396.544
Nhận ký quỹ ngắn hạn	2.578.000.000	414.000.000
Cổ tức phải trả	360.574.170	300.976.490
Chi phí bảo hành giữ lại của nhà thầu	234.662.909	234.662.909
Cộng	**3.332.782.720**	**1.199.035.943**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được tín chấp và thế chấp một phần tài sản là quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.9).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	75.695.932.904	89.738.334.293
Số tiền vay phát sinh	73.842.612.954	128.587.208.658
Số tiền vay đã trả	(112.154.422.177)	(142.629.610.047)
Số cuối năm	**37.384.123.681**	**75.695.932.904**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến khoản bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	25.151.920.800
Tăng do trích lập	7.611.672.116
Số hoàn nhập	(25.085.757.436)
Số cuối năm	**7.677.835.480**

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.578.382	4.450.844.108	(3.117.182.000)	1.337.240.490
Quỹ phúc lợi	1.897.131	-	-	1.897.131
Cộng	**5.475.513**	**4.450.844.108**	**(3.117.182.000)**	**1.339.137.621**

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV	155.472.580.000	155.472.580.000
Các cổ đông khác	144.527.420.000	144.527.420.000
Cộng	**300.000.000.000**	**300.000.000.000**

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.000.000	30.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*30.000.000*	*30.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*30.000.000*	*30.000.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 14 tháng 4 năm 2017 như sau:

		VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	24.000.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	4.450.844.108
• Chi tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	:	287.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh bất động sản	331.624.077.394	584.783.416.323
Doanh thu xây dựng	247.415.865.321	277.409.554.964
Cộng	**579.039.942.715**	**862.192.971.287**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH MTV		
Xây dựng công trình	121.757.584.522	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam –Singapore		
Xây dựng công trình	-	6.611.165.290
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước		
Xây dựng công trình	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hỹ thuật		
Xây dựng công trình	78.928.480.571	40.776.044.078
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Xây dựng công trình	-	2.547.404.236
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Chuyển nhượng dự án bất động sản	-	422.056.052.770
Công ty Cổ phần Dược Becamex		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	75.626.184

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bất động sản đã bán	315.995.958.985	578.476.464.968
Giá vốn xây dựng	234.714.457.595	252.706.547.589
Cộng	**550.710.416.580**	**831.183.012.557**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	35.357.616	66.876.481
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	44.013.889	1.359.971.081
Cổ tức được chia	100.000.000	140.000.000
Cộng	**179.371.505**	**1.566.847.562**

4. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.079.217.828	4.927.195.194
Chi phí đồ dùng văn phòng	153.732.309	168.618.876
Chi phí khấu hao tài sản cố định	308.321.949	335.196.632
Các chi phí khác	2.793.025.764	2.353.888.811
Cộng	**9.334.297.850**	**7.784.899.513**

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	25.085.757.436	981.188.453
Cho thuê mặt bằng	240.909.090	-
Thu nhập khác	107.413	64.664.888
Cộng	**25.326.773.939**	**1.045.853.341**

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.193.134.605	15.443.470.609
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	(4.816.867.210)	(4.737.844.108)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	24.376.267.395	10.705.626.501
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**813**	**357**

7b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này đã làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 430 VND xuống thành 357 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	140.506.546.156	336.373.411.757
Chi phí nhân công	58.942.226.744	58.829.269.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.291.491.828	2.190.884.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.184.888.776	8.167.555.599
Chi phí khác	16.893.046.787	36.102.873.740
Cộng	**221.818.200.291**	**441.663.995.094**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.560.880.000	1.352.640.000
Tiền thưởng	380.000.000	330.000.000
Cộng	**1.940.880.000**	**1.682.640.000**

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển – TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex	Công ty con của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình	Công ty con của Công ty Cổ phần Bê tông Becamex
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Becamex Tokyu	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển – TNHH MTV		
Tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	45.718.286.124
Phí dịch vụ phải trả	191.585.351	288.738.280
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam		
Phí dịch vụ phải trả	108.065.858	88.133.200
Mua công cụ, dụng cụ	86.332.000	32.888.000
Mua dịch vụ thi công công trình	18.607.614.103	21.817.485.125
Công ty Cổ phần Đá ốp lát An Bình		
Mua nguyên vật liệu	4.608.000	63.175.200
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương		
Tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	-
Mua bê tông	3.949.394.091	32.814.914.607
Công ty Cổ phần Bê tông Becamex		
Mua cống, bê tông nhựa nóng	352.847.090	306.612.164
Thi công công trình	-	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Becamex		
Mua nguyên vật liệu	1.635.697.910	5.184.660.430
Công ty Cổ phần Khoáng sản Becamex		
Mua đá	-	337.052.400
Công ty TNHH Becamex Tokyu		
Tiền điện		6.249.693
Ký quỹ tham gia dự thầu	-	-
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương		
Tiền nước	-	8.701.636

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2a, V.4, V.11 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: kinh doanh nhà dự án.
- Lĩnh vực xây dựng: thi công các công trình xây dựng.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Lương Thị Quỳnh Hoa	**Hồ Minh Diễm Thúy**	**Nguyễn Kim Tiên**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	7.271.654.085	20.043.042.684	38.453.813.896	365.768.510.665
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.443.470.609	15.443.470.609
Trích lập các quỹ	-	-	-	(3.906.323.781)	(3.906.323.781)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(252.000.000)	(252.000.000)
Số dư cuối năm trước	**300.000.000.000**	**7.271.654.085**	**20.043.042.684**	**28.738.960.724**	**356.053.657.493**
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	7.271.654.085	20.043.042.684	28.738.960.724	356.053.657.493
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	29.193.134.605	29.193.134.605
Trích lập các quỹ	-	-	-	(4.450.844.108)	(4.450.844.108)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(287.000.000)	(287.000.000)
Số dư cuối năm nay	**300.000.000.000**	**7.271.654.085**	**20.043.042.684**	**29.194.251.221**	**356.508.947.990**

Bình Dương, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Lương Thị Quỳnh Hoa	**Hồ Minh Diễm Thúy**	**Nguyễn Kim Tiên**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	331.624.077.394	247.415.865.321	-	579.039.942.715
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***331.624.077.394***	***247.415.865.321***	-	***579.039.942.715***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	15.628.118.409	12.701.407.726	-	28.329.526.135
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(9.903.223.467)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				18.426.302.668
Doanh thu hoạt động tài chính				179.371.505
Chi phí tài chính				(7.041.835.822)
Thu nhập khác				25.326.773.939
Chi phí khác				(49.710.173)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(7.647.767.512)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***29.193.134.605***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	***30.900.000***	-	***30.900.000***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	***1.544.893.809***	-	***1.544.893.809***
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	***(17.116.508.994)***	-	***(17.116.508.994)***

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	584.692.507.232	277.409.554.964	-	862.102.062.196
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	***584.692.507.232***	***277.409.554.964***	-	***862.102.062.196***
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.216.042.264	24.703.007.375	-	30.919.049.639
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(7.829.399.513)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				23.089.650.126
Doanh thu hoạt động tài chính				1.566.847.562
Chi phí tài chính				(5.780.548.268)
Thu nhập khác				1.045.853.341
Chi phí khác				(99.859.719)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.378.472.433)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				***15.443.470.609***
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	***200.857.520***	-	***200.857.520***
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	***2.459.172.756***	-	***2.459.172.756***
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	***24.193.359.256***	-	***24.193.359.256***

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	494.648.306.044	646.123.596.118	-	1.140.771.902.162
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				17.874.405.797
Tổng tài sản				***1.158.646.307.959***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	61.128.148.506	9.127.385.524	-	70.255.534.030
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				731.881.825.939
Tổng nợ phải trả				***802.137.359.969***
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	586.287.013.221	661.874.472.852	-	1.248.161.486.073
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				15.901.786.097
Tổng tài sản				***1.264.063.272.170***
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	151.667.307.090	93.057.879.824	-	244.725.186.914
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				663.284.427.763
Tổng nợ phải trả				***908.009.614.677***

Bình Dương, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lương Thị Quỳnh Hoa	Hồ Minh Diễm Thúy	Nguyễn Kim Tiên